

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**
Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày: 09-9- 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hiếu và ông Tăng Văn Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo:

Đàm Văn T, sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Nông; CCCD số: 067094007124; nơi ĐKKHTT: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông (nay là thôn A, xã N, tỉnh Lâm Đồng); nơi ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn X và bà Phạm Thị H; có vợ là Hà Thị Y và 01 con (10 tuổi); tiền sự: Không, tiền án: 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HSST ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, ngày 28/7/2022 chấp hành xong phần hình phạt, chưa chấp hành xong phần truy thu sung vào ngân sách nhà nước và án phí; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HSST ngày 27/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tuyên phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, ngày 16/5/2021 chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; bị bắt tạm giữ từ ngày 19/4/2025; hiện đang tạm giam - Có mặt.

Bị hại: Ông Đặng Tấn T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố G, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là tổ dân phố G, phường N, tỉnh Lâm Đồng) – Vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trịnh Ngọc H1, sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (nay là tổ dân phố C, phường B, tỉnh Lâm Đồng) – Vắng mặt.

Ông Lê Bá L, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố D, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (nay là tổ dân phố D, xã K, tỉnh Lâm Đồng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/4/2025, ông Trịnh Ngọc H1 đưa một máy đầm cóc, xuất xứ Đài Loan, Trung Quốc, số hiệu YL90L₁-2, đến sửa chữa, bảo dưỡng tại tiệm sửa chữa máy móc của ông Đặng Tấn T1 thuộc tổ dân phố G, phường N, thành phố G (nay là phường N, tỉnh Lâm Đồng). Ngày 14/4/2025, ông T1 đưa chiếc máy ra để ở sân trước cửa tiệm để kiểm tra.

Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 15/4/2025, Đàm Văn T điều khiển xe mô tô, không có biển kiểm soát, đi theo đường Q từ cầu Đ vào trung tâm thành phố G. Lúc 06 giờ 53 phút cùng ngày, khi đi ngang qua tiệm sửa chữa máy móc của ông T1, T nhìn thấy chiếc máy đầm cóc đang để ở trước sân cửa tiệm, quan sát thấy xung quanh và bên trong tiệm không có ai. T điều khiển xe mô tô đi qua cổng nhà ông T1 khoảng 10m, dừng xe ở sát lề đường. T đi bộ từ khu đất trống phía bên phải (*theo hướng từ trong tiệm nhìn ra Quốc lộ A*) đi vào sân trước cửa tiệm, lén lút lấy máy đầm cóc, rồi bê ra đường Quốc lộ 14, buộc máy đặt máy đầm lên giá để hàng sau yên xe. T điều khiển xe mô tô đi về hướng huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để tìm nơi tiêu thụ. Khoảng 08 giờ cùng ngày, T đi đến điểm thu mua phế liệu của ông Lê Bá L (sinh năm: 1975) tại TDP4, thị trấn K, huyện Đ (*nay là TDP4, thị trấn K*), tại đây T nói chiếc máy đầm này do T đi làm công trình nhưng hết tiền nên cầm cố cho ông L với giá 870.000 đồng.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô đi đến khu vực bờ đập thủy điện Đ thuộc TDP G, phường N, thành phố G, mua ma túy loại Heroin (*không rõ trọng lượng*) với giá 1.000.000 đồng (*trong đó có 870.000 đồng mà T đã cầm cố chiếc máy đầm cóc trộm cắp của ông T1*), của một người đàn ông chưa rõ nhân thân, lai lịch. T đã sử dụng hết số ma túy trên.

Bản kết luận định giá tài sản số: 53/BB-HĐĐG ngày 18/4/2025, của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự thành phố G đã kết luận: 01 chiếc máy đầm cóc, xuất xứ Đài Loan, Trung Quốc, số hiệu YL90L₁-2, bị chiếm đoạt ngày 15/4/2025, có giá là 3.575.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 11 tháng 8 năm 2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng đã truy tố Đàm Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đàm Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Đàm Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*** Xử lý vật chứng:** Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS và khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô, hiệu: HUANGHE, không có biển kiểm soát, số máy: VLF1P50FMG-330022343, số khung: VTADCG053TA000100.

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước: số tiền 870.000 đồng, do Đàm Văn T cầm cố tài sản trộm cắp mà có.

- Ngày 15/5/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ đã trả lại: 01 chiếc máy đầm cóc cho ông Trịnh Ngọc H1, là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với 01 đĩa DVD, đã được niêm phong trong 01 bì thư, đóng dấu bút lục và lưu vào hồ sơ vụ án.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Do tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên ông Đặng Tấn T1 không có yêu cầu bồi thường về dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Bá L không có yêu cầu về dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 06 giờ 53 phút ngày 15/4/2025, tại tổ dân phố G, phường N, TP ., tỉnh Đắk Nông (nay là phường N, tỉnh Lâm Đồng), Đàm Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc máy đầm cóc số hiệu YL90L₁-2, tại tiệm sửa chữa của ông Đặng Tấn T1, chiếc máy này ông T1 đang sửa chữa, bảo trì cho ông Trịnh Ngọc H1 là chủ sở hữu hợp pháp. Sau đó T đem đi cầm cố cho ông Lê Bá L lấy số tiền 870.000 đồng để mua ma túy và sử dụng hết. Giá trị tài sản đã chiếm đoạt là: 3.575.000 đồng. Bị cáo từng bị kết án 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án số 07/2022/HSST ngày 22/02/2022, với tình tiết tăng nặng là “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1

Điều 52 Bộ luật Hình sự chưa được xoá án tích. Do đó, đối với vụ án này bị cáo còn bị áp dụng tình tiết “*tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: ...

g. Tái phạm nguy hiểm.

[3] Nhận thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm. Bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác một cách bất hợp pháp là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân và lối sống buông thả, lười lao động mà cố tình thực hiện. Do đó, cần xử phạt mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS và khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô, hiệu: HUANGHE, không có biển kiểm soát, số máy: VLF1P50FMG-330022343, số khung: VTADCG053TA000100.

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 870.000 đồng, do Đàm Văn T cầm cố tài sản trộm cắp mà có.

- Ngày 15/5/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đ đã trả lại: 01 chiếc máy đầm cóc, cho ông Trịnh Ngọc H1, là chủ sở hữu hợp pháp nên cần chấp nhận.

- Đối với 01 đĩa DVD, đã được niêm phong trong 01 bì thư, đóng dấu bút lục và cần lưu vào hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đặng Tân T1 không có yêu cầu bồi thường về dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Bá L ông Trịnh Ngọc H1 không có yêu cầu về dân sự.

[9] Xét các chứng cứ buộc tội và quan điểm xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng đối với bị cáo là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đàm Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt Đàm Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành tính từ ngày bắt tạm giam 19/4/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS và khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô, hiệu: HUANGHE, không có biển kiểm soát, số máy: VLF1P50FMG-330022343, số khung: VTADCG053TA000100.

(Vật chứng có đặc điểm như tại biên bản giao vật chứng ngày 25/6/2025 giữa Công an tỉnh Đ và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa)

- Truy thu sung vào ngân sách nhà nước: Số tiền 870.000 đồng, do Đàm Văn T cầm cố tài sản trộm cắp mà có.

- Chấp nhận ngày 15/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại: 01 chiếc máy đầm cóc, cho ông Trịnh Ngọc H1.

- Lưu vào hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD, đã được niêm phong trong 01 bì thư.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đàm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 6 – Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;
- PTHA khu vực 6 – Lâm Đồng;
- Bị cáo;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến

- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.